

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, Ông Đào Đình Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: thôn G, xã C, huyện M, tỉnh D.

Chị Hồng có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1985.

Nơi thường trú: thôn G, xã C, huyện M, tỉnh D.

Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh D ngày 19-3-2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình chồng ở thôn G, xã C. Anh chị đều làm tự do ở nhà. Ngay sau khi về chung sống, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính nết không hợp nhau, bất đồng quan điểm, kinh tế của ai người ấy giữ, công việc của ai người ấy tự lo tự làm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, có lần anh T đã đánh chị, nhưng anh T chưa bao giờ nhận lỗi với vợ. Chị vẫn nhẫn nhịn để sống vì các con. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng do anh T không tôn trọng vợ và bố mẹ vợ, thường xuyên có thái độ lời lẽ coi thường nhà vợ. Cuối năm 2021, chị đã từng bỏ về nhà bố mẹ để ở khoảng 2 tuần, sau đó vì thương con nên chị quay về nhà

chồng. Nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn xảy ra xung đột, không được cải thiện. Chị chính thức ly thân anh T từ tháng 02/2023 đến nay. Thời gian ly thân, anh T không tìm chị, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, thậm chí anh T còn thường xuyên nhắn tin xúc phạm chị. Gia đình chị và gia đình anh T ở gần nhau, nhưng hai bên thông gia cũng không gặp gỡ nói chuyện để hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Vũ T Kiệt - sinh ngày 24/01/2015 và cháu Vũ Ngọc Minh Châu - sinh ngày 22/02/2017. Hiện hai con đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi một trong hai con, chị nuôi con nào cũng được, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị. Trường hợp nếu chị nuôi hai con thì chị đề nghị anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị theo quy định pháp luật. Hiện chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ ở thôn G, xã C, nhà cửa rộng rãi đầy đủ tiện nghi gần trường học của các con, gia đình chị và anh T ở gần nhau nên việc các cháu đi lại hai bên đều thuận lợi. Chị ở nhà bán hàng tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 08 triệu đồng/1 tháng. Chị xác định mình có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận tại gia đình anh đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong cách sống và sinh hoạt, thường xuyên xảy ra cãi nhau nhưng không xô xát. Chị H đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ một lần nhưng sau đó lại quay về nhà chồng. Lần này chị H bỏ hẳn từ đầu năm 2023 đến nay, vợ chồng không tìm gặp nhau để hàn gắn. Anh không đến tìm chị H vì chị H không nghe anh nói, vợ chồng không hòa giải được, khi đưa đón con thì anh chị chỉ đứng ở cổng chứ không gặp gỡ, không nói chuyện với nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh để mặc cho chị H muốn làm gì thì làm. Anh xác định không bỏ vợ, bỏ con còn mặc cho chị H tự giải quyết. Nếu chị H muốn quay về thì tự về, anh không tìm chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện cả hai con đang ở cùng với chị H, thỉnh thoảng anh vẫn đưa đón các con đi lại hai bên, vợ chồng vẫn có trách nhiệm với các con. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi một trong hai con, anh nuôi con nào cũng được, nếu anh được nuôi cả hai con anh cũng nhất trí, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm tự do tại nhà, thu nhập khoảng 07 triệu đồng/1 tháng. Anh ở cùng nhà với mẹ đẻ, nhà cửa khang trang rộng rãi đầy đủ tiện nghi, nhà anh và nhà chị H đều gần trường học của các con. Anh xác định mình có đủ điều kiện nuôi con và cam kết đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T. Chị xin nuôi cháu Vũ Ngọc Minh Châu, để anh T nuôi cháu Vũ T Kiệt, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T; Về con chung: Giao cháu Vũ T Kiệt, sinh ngày 24/01/2015 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, Giao cháu Vũ Ngọc Minh Châu, sinh ngày 22/02/2017 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh T, chị H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Vũ Văn T, đăng ký thường trú tại thôn G, xã C, huyện M, tỉnh D. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh D. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Vũ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh D ngày 19-3-2014, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hồng và anh T là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị H, anh T và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, to tiếng nặng lời xúc phạm nhau. Vợ chồng không quan tâm, không lắng nghe tâm tư suy nghĩ của nhau, không chia sẻ với nhau những gánh nặng và khó khăn trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về

kinh tế, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Cuối năm 2021, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở khoảng 2 tuần, nhưng vì thương con chị lại về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T vẫn không thay đổi tính nết, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn xảy ra căng thẳng không có biện pháp khắc phục. Anh chị chính thức sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không gặp gỡ nhau để tìm biện pháp hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T không tham gia, không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh T không mong muốn và không thiện chí tích cực hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Hồng được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh T có hai chung là cháu Vũ T Kiệt - sinh ngày 24/01/2015 và cháu Vũ Ngọc Minh Châu - sinh ngày 22/02/2017. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, các con ở cùng với chị H, vợ chồng vẫn đưa đón các con đi lại hai gia đình. Chị H, anh T đều có nguyện vọng xin nuôi một trong hai con, anh chị trình bày nuôi con nào cũng được và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con của anh chị đều là chính đáng. Hiện nay anh chị đều có nơi ở ổn định, đều làm tự do và có thu nhập hàng tháng ổn định, đều có đủ điều kiện nuôi con. Cháu Kiệt có nguyện vọng xin ở với bố, cháu Châu có nguyện vọng xin ở với mẹ. Xét thấy cháu Vũ Ngọc Minh Châu còn nhỏ và là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Vũ T Kiệt là con trai nên giao cho bố trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp cho sự phát triển về tâm sinh lý của hai cháu. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của hai con, giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Ngọc Minh Châu, sinh ngày 22/02/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ T Kiệt, sinh ngày 24/01/2015 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh chị không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271,

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Vũ Ngọc Minh Châu, sinh ngày 22/02/2017 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Vũ T Kiệt, sinh ngày 24/01/2015 cho anh Vũ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Không phải giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001508 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh D. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện M, tỉnh D.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn